

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/DS-PT
Ngày: 19-3-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản; Đòi tài sản và hoàn trả
giá trị tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Đòi tài sản và hoàn trả giá trị tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Trương Minh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 2 ấp L, xã Đ, thành phố M, Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: F Tổ D ấp A, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3. Anh Nguyễn Văn T3 (D), sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: số F Tổ D ấp A, xã L, huyện C, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: F Tổ D ấp A, xã L, huyện C, Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Duy P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: D ấp M, xã M, thành phố M, Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn Văn S, sinh năm 1972.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Đầu năm 2021, anh Nguyễn Văn T3 (D) cháu ông S có đến nhà ông S để hỏi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số: 832, tờ bản đồ: 42, địa chỉ: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, diện tích 881,7m² do ông S đứng tên để vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) với lý do là để lấy số tiền đó cho anh T3 mượn để trả nợ cờ bạc, đá banh rồi sau vài tháng sẽ chuộc trả lại. Ngày 27/01/2021 anh T3 chở ông S ra quỹ tín dụng Mỹ T4 để ký vay cho anh T3 mượn 50.000.000 đồng. Khi đến quỹ tín dụng thì trên hợp đồng vay ghi số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng vì anh T3 năn nỉ nên ông đã đồng ý ký vay số tiền 250.000.000 đồng cho anh T3 mượn.

Sau đó anh T3 có đến nhà ông S để năn nỉ tiếp tục dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay thêm 200.000.000 đồng để trả nợ. Vì thương con cháu nên ngày 19/11/2021 đã đồng ý vay thêm 200.000.000 đồng và lập lại hợp đồng vay 450.000.000 đồng. Sau khi vay đã đưa anh T3 mượn 200.000.000 đồng (tổng cộng 02 lần vay là 450.000.000 đồng đã đưa cho anh T3 mượn hết để trả nợ). Khoản vay này đã thanh toán sau khi bán đất nên không có yêu cầu anh T3 trả.

Tiếp tục đến tháng 6/2022, anh T3 đến nhà ông S nói rằng bây giờ nợ nần chồng chất không thể trả nổi, anh T3 năn nỉ bán hết đất đai để cho T3 mượn tiền trả nợ, còn dư bao nhiêu thì qua đất của mẹ anh T3 (bà Nguyễn Thị T1 – chị ruột ông S) cất nhà để ở, sau này nếu ông S qua đời thì phần nhà đó thuộc về anh T3, đồng thời tặng cho ông S thêm 05 mét đất ngang để sau này con ông S ở. Vợ chồng bà T1, ông C cũng thống nhất thoả thuận trên. Sau nhiều lần suy nghĩ, vì thương con cháu nên đồng ý bán đất. Ông S và anh T3 gặp anh Phạm Duy P, sinh năm 1984 làm môi giới bất động sản để bán phần đất đang đứng tên thửa đất số 832 nói trên với giá là 2.750.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi đồng ý bán đất ông S đã cho anh T3 mượn thêm nhiều lần tiền cụ thể như sau:

- + Sau khi nhận cọc 30.000.000 đồng bán đất, ông S nhận tiền của anh P và đưa cho anh T3 đếm tại quán cà phê. Sau đó đem về nhà ông đưa cho anh T3 và chị T2 là vợ anh T3 mượn hết 30.000.000 đồng.

- + Sau đó khoảng 25 - 30 ngày anh T3 chở ông S lên quỹ tín dụng để nhận thêm 500.000.000 đồng từ anh P để trả tiền cho Quỹ tín dụng số dư còn lại anh T3 lấy hết.

- + Một thời gian sau, không nhớ rõ thời gian cụ thể anh P tiếp tục giao tiền đất 120.000.000 đồng, anh T3 nhận tiền và đếm tại quán cà phê và lấy hết 120.000.000 đồng.

- + Khoảng 2-3 tháng sau anh T3 có đến gặp ông S mượn tiền để trả nợ nên ông S có đưa cho anh T3 mượn lần lượt số tiền sau: 50.000.000 đồng; 100.000.000 đồng; 200.000.000 đồng và lần cuối cùng là 150.000.000 đồng.

Tổng cộng anh T3 mượn của ông S là 1.150.000.000 đồng. Tất cả những lần mượn tiền này đều không có biên nhận và cũng không có ai chứng kiến do nghĩ tình cậu cháu. Sau khi xảy ra mâu thuẫn ông S có đến gặp gia đình anh T3 để đòi lại tiền và có ghi âm lại việc anh T3 có thừa nhận còn thiếu tiền nhưng không chịu trả.

Ngoài ra ông S có đưa tiền cho người khác vay tiền là 350.000.000 đồng (của vợ chồng anh T5 250.000.000 đồng; chị Ánh H 100.000.000 đồng), sau đó bà T1, ông C tự ý lấy số tiền 350.000.000 đồng giữ cho đến nay. Do nay anh T3 (D) không chịu trả cho ông S số tiền 1.150.000.000 đồng và bà T1, ông C không trả cho ông S số tiền 350.000.000 đồng.

Đồng thời khi bán hết quyền sử dụng đất thì ông S, ông C, bà T1 có thỏa thuận ông S cất một căn nhà trên đất do bà T1 đứng tên cho ông S ở, sau này ông S để lại cho con cháu là anh T3 nhưng khi mâu thuẫn xảy ra thì ông C, bà T1 không cho ông S ở còn đòi lấy lại đất không cho ở.

Vì vậy, nay ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu như sau:

- + Buộc anh Nguyễn Văn T3 (D) trả ông S số tiền là 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- + Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- + Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C phải hoàn lại chi phí xây dựng căn nhà trên đất là 495.100.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T3 (D) trình bày:* Anh không có nhờ ông S vay tiền và vay tiền của ông S. Anh chỉ có chở ông S đi vay tiền và ký tên người thừa kế trong hợp đồng vay tại Quỹ tín dụng vì ông S lớn tuổi nên phải có người thừa kế

đảm bảo khoản vay trên. Sau khi vay ông S nhận tiền, anh không nhận khoản tiền nào hết. Khi ông S bán đất, anh có chở ông S đi nhận đặt cọc và đếm dùm cho ông S số tiền 30.000.000 đồng và 120.000.000 đồng, sau đó anh không có giữ số tiền trên mà giao hết tiền lại cho ông S. Ngoài ra anh có chở ông S đến Quỹ tín dụng để trả tiền vay khoảng 500.000.000 đồng do anh P đưa để trả lấy giấy chủ quyền đất ra. Anh không có nhận khoản tiền nào. Những khoản tiền ông S trình bày sau tổng cộng 500.000.000 đồng anh không có nhận. Anh không có thiếu ông S khoản tiền nào như ông S trình bày.

Việc ông S cất nhà trên đất của mẹ anh là do ông S năn nỉ nói bán hết đất rồi không có chỗ nào ở và xin cất nhà để cùng ở với anh T3 nên mẹ anh mới cho cất. Khi xảy ra tranh chấp ông S không cho anh ở và nói là thuê đất và chuyển số tiền vay mẹ tôi đã nhận 350.000.000 đồng thành tiền thuê đất.

Đoạn ghi âm ông S cung cấp cho Tòa, anh xác định là giọng nói của anh nhưng do ông S thường xuyên đến gây cự cãi, dẫn đến đánh nhau nên lúc anh trả lời theo đoạn ghi âm là anh trả lời trong sự tức giận, trả lời không ý thức được trong lúc nóng giận nên anh không thừa nhận có mượn tiền của ông S nên không đồng ý trả.

** Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà T1 và ông C là chị Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:* Bà T1 và ông C có nhận giữ 350.000.000 đồng như ông S trình bày nhưng khi xảy ra mâu thuẫn ông S nói chuyển số tiền trên thành tiền thuê đất nên nay ông S khởi kiện yêu cầu ông C và bà T1 trả số tiền 350.000.000 đồng thì ông bà đồng ý trả nhưng xin cho trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi trả hết nợ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:* Chị là vợ của anh T3, ông S trình bày số tiền 30.000.000 đồng là cho vợ chồng chị mượn, chị không vì chị không nhận khoản tiền nào của ông S.

Tại Bản án sơ thẩm số 421/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 166, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T1 liên đới cùng ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị T1 liên đới cùng ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S giá trị căn nhà 495.100.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn S di dời tài sản giao trả lại căn nhà và công trình trên đất thuộc đất số 834 tờ bản đồ số 42 có diện tích 678,0 m² theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất CS 16730 tại ấp L, xã Đ, TP M do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị T1 ngày 23/9/2020.

Trường hợp bà T1, ông C chậm thi hành án số tiền nêu trên cho S thì phải trả cho ông S tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn T3 (D) trả số tiền 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự của đương sự.

- Ngày 01/10/2024, nguyên đơn Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S buộc anh T3 (D) trả cho ông S số tiền 1.150.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ đoạn ghi âm giữa ông S, bà T1, anh D thể hiện bà T1 và ông S có thỏa thuận cho ông S cất nhà trên thửa đất do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất để sau này ông S sẽ cho lại anh T3. Đồng thời, trong đoạn thoại giữa ông S và anh T3 có nội dung anh D thừa nhận việc ông S cất nhà trên đất của mẹ anh xem như huê số tiền anh nợ ông S 1.150.000.000 đồng nên có cơ sở xác định anh T3 có nợ ông S số tiền 1.150.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S giao trả nhà cho bà T1 ông C nhưng không tuyên bà T1 ông C được quyền sử dụng căn nhà trên là thiếu sót đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh bổ sung. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S yêu cầu anh Nguyễn Văn T3 trả cho ông số tiền 1.150.000.000 đồng, nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh T3 đều không thừa nhận có vay của ông S tổng số tiền 1.150.000.000 đồng. Ông S cung cấp chứng cứ là Vi bằng số 07/2025/VB-TPL ngày 03/3/2025 của Văn phòng T6. Nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa ông S, cha mẹ ông S là bà T1, ông C vào ngày 09/01/2025 được anh T3 thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm trên là của anh. Nhận thấy, đoạn ghi âm trên có nội dung: Ông C, bà T1 là cha mẹ anh T3 thừa nhận anh có nhận 1.150.000.000 đồng của ông S (trang 6 và trang 8) và anh T3 cho rằng việc ông S cất nhà trên đất của cha mẹ anh là “*huê*” số tiền này:

“...S: *trả đây một tỷ một năm chục rồi cái tiền của thằng T5 tiền hụi.*

Tửu: Tiền gì tao.

S: Trả luôn.

Diệp: Ủ hôm nay ông cất nhà ở bên là huê.

Diệp: Huê”...

.....

“S: *Rồi huê là hết luôn tính luôn tiền của Ánh H là dứt á hả là một tỷ mấy á hả.*

Diệp: Ủ.

S: Mà hứa đàn ông phải không.

Diệp: Ủ.

S: Là một tỷ một năm chục.

Diệp: Ủ.”.....(trang 17-18).

Bên cạnh đó, tại phiên tòa, anh D thừa nhận, khi ông S vay tiền tại quỹ tín dụng Tân Mỹ C1, anh có đi theo và giữ giùm ông S 500.000.000 đồng và đã đưa lại ông S, anh cũng là người trực tiếp đi đóng lãi hàng tháng nhưng nguồn tiền đóng lãi do ông S đưa; Khi ông S bán đất, anh là người nhận và giữ giùm tiền cọc của ông S là 50.000.000 đồng nhưng đã gửi lại cho ông. Tuy vậy, ông S không thừa nhận giao tiền cho anh T3 giữ giùm mà là cho vay. Anh T3 cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả lại tiền cho ông S.

Nhận thấy, mặc dù ông S giao tiền cho anh T3 không có làm biên nhận nhưng sự thừa nhận của anh tại phiên tòa cũng như trong nội dung ghi âm là

chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ cơ sở xác định, ông S cho anh T3 vay 1.150.000.000 đồng là có thật. Việc ông S không yêu cầu tính lãi là có lợi cho anh T3.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc anh T3 trả số tiền 1.150.000.000 đồng là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Do anh T3 vi phạm sự thỏa thuận, gây thiệt hại cho quyền lợi của ông S nên anh phải có nghĩa vụ trả số tiền trên theo yêu cầu của ông S.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S. Sửa Bản án sơ thẩm số 421/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 166, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

[1.1] Buộc bà Nguyễn Thị T1 liên đới cùng ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

[1.2] Buộc bà Nguyễn Thị T1 liên đới cùng ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S giá trị căn nhà 495.100.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn S di dời tài sản giao trả lại căn nhà và công trình trên đất thuộc thửa đất số 834 tờ bản đồ số 42 có diện tích 678,0m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 16730 tại ấp L, xã Đ, thành phố M do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị T1 ngày 23/9/2020.

Bà T1, ông C được quyền sử dụng căn nhà cấp 4 có kết cấu móng và tường bằng bê tông cốt thép, mái tôn, đỡ mái bằng sắt, có laphong, nền lát gạch men, tường bên trong dán gạch men và các vật kiến trúc trên thửa đất số 834 tờ bản đồ số 42 có diện tích 678,0m² do bà Nguyễn Thị T1 đứng tên QSDĐ.

Trường hợp bà T1, ông C chậm thi hành án số tiền nêu trên cho ông S thì phải trả cho ông S tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn T3 (D) trả số tiền 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn T3 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H1 lại ông S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007946 ngày 04/10/2024 (Võ Trương Minh Thành nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C phải chịu 37.353.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T3 phải chịu 46.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại ông Nguyễn Văn S số tiền 28.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025855 ngày 07/4/2023 và số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0025990 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C .
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy

